

Đôi điều cảm nhận

“HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA”: SỰ CỘNG HƯỞNG TỪ TƯ TƯỞNG TÔN HIỀN ĐÃI SĨ

Tác giả: **Đoàn Văn Hân**

*Giáo viên trường THPT Nguyễn Bình Khiêm,
huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk*

Chương trình Ngữ văn lớp 10 tập 1, Bộ sách “**Kết nối tri thức với cuộc sống**” do thầy PGS.TS. Phan Huy Dũng chủ biên có trích đoạn: “*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*” của Tiến sĩ Thân Nhân Trung. Đây là văn bản thứ ba nằm trong chủ đề: nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận của cuốn sách. Đoạn trích này, có thể coi là áng văn nghị luận mẫu mực của văn học Trung đại Việt Nam. Bên cạnh những giá trị về mặt nội dung lẫn nghệ thuật thuyết phục của đoạn trích, có lẽ, dư vị của văn bản này đọng lại trong lòng người đọc chính là tư tưởng trọng hiền đãi sĩ được cộng hưởng từ Thân Nhân Trung và vị vua tài cao, đức độ - Lê Thánh Tông.

Văn bia là loại văn khắc trên bia đá, gồm nhiều thể loại khác nhau, rất phổ biến ở thời trung đại. Ra văn bia là công việc quen thuộc của các bậc đế vương, thường ghi chép những sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi, sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế. Không gì đáng ngạc nhiên, khi ta thấy có nhiều bài văn được khắc lên bia đá, được viết bởi những người khác nhau. Số văn bia này có thể có nhiều nhưng để hậu thế thưởng thức như một áng văn giàu giá trị, được các nhà sử học xem đây là một bằng chứng rõ rệt để tìm hiểu về triều đại, tầm nhìn của bậc đế vương. Cố nhiên, điều này còn phụ thuộc vào tài năng văn chương của người vâng mệnh và tình huống lịch sử (*thời điểm lịch sử*) bài chiếu này ra đời.

Đoạn trích: “*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*” là một đoạn trích trong bài văn bia có tên là *Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh kí, nghĩa là: Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu đại bảo thứ ba*, do Tiến sĩ Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn. Mục đích của việc này là để khắc lên bia đặt trong Văn Miếu, khởi đầu cho việc dựng bia ghi danh tiến sĩ sẽ thành truyền thống, tiền lệ về sau.

Đây là một đoạn trích nổi tiếng. Nổi tiếng là bởi áng văn này được viết bởi một con người có tài văn chương xuất chúng, có nền công nghiệp rõ ràng, hiền hách

Văn học trong nhà trường

dưới triều vua Lê Thánh Tông. Nổi tiếng bởi bài văn này gắn liền với tên tuổi, tư tưởng, tầm nhìn của một vị vua suốt đời vì nước vì dân. Đại Việt dưới thời trị vì của vua là một thời kỳ hoàng kim của đất nước. Ngài có nhiều chủ trương, chính sách được coi là bước đột phá quan trọng vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Khi ngài dùng đức để thu phục lòng người, dùng lễ nghĩa để sửa lòng dân, dạy cho dân biết và nuôi dưỡng thuần phong, mỹ tục.

Khi đảm nhận công việc viết thay cho vua, Thân Nhân Trung có được một thuận lợi lớn: quan hệ giữa ông và vua Lê Thánh Tông rất tốt đẹp. Vua tin tưởng và tin dùng ông (*được vua giao chức Phó đô nguyên súy Tao đàn Nhị thập bát tú, Đông các Đại học sĩ kiêm tế tửu Quốc tử giám, kiêm Thượng thư Bộ Lễ.v.v*). Thân Nhân Trung không chỉ biết ơn về những điều nhà vua trọng dụng, tin dùng mà ông còn khâm phục trước tư tưởng và tầm nhìn của vị vua mà ông đang phò tá. Nói điều này để thấy rằng, tìm hiểu văn bia không chỉ là một văn bản mang tính hành chính mà độc giả còn có thể hiểu biết thêm về cá tính của hai người này, mối quan hệ tốt đẹp giữa họ.

Đoạn trích: “ *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*” gồm hai phần, được liên kết theo một mạch lập luận logic.

Ở phần đầu, sau khi bày tỏ thái độ khiêm nhường Thân Nhân Trung đã tự tin, mạnh dạn khẳng định: “*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*”, nghĩa là người tài cao, học rộng, có đức độ là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước, xã hội. Nói cách khác, hiền tài có quan hệ lớn đến sự thịnh, suy của đất nước. Vậy tại sao, ngay từ đầu tác giả đã khẳng định điều này?. Có lẽ, phải khẳng định như vậy mới gây ấn tượng mạnh đối với người nghe là các trí thức thời đó. Điều này tác động đến lòng tự tôn, tự trọng trong họ, đồng thời khích lệ được tinh thần phụng sự cho đất nước là một việc làm tất yếu. Viết như vậy để ngay từ đầu, tác giả đã thay mặt vua thể hiện quan điểm rõ ràng, dứt khoát: chủ thể của sự sống còn đất nước là hiền tài chứ không phải nằm trong tay của bậc đế vương nào khác.

Bằng phương pháp lập luận diễn dịch, luận điểm này, sau đó được triển khai qua cách so sánh, đối lập: “*Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh rồi lên cao*” “*Nguyên khí suy thì thế nước yếu rồi xuống thấp*”, câu văn này thêm lần nữa đã khẳng định tính chất rõ ràng, hiển nhiên của chân lí. Cũng từ một chân lý này, đã dẫn dắt đến một thực tế là những việc làm làm khuyến khích hiền tài của các thánh đế minh vương từng có trong lịch sử dân tộc như: Đề danh tiếng, xướng danh, yết bảng. Ban mũ áo, chức tước. Ban yến tiệc và vinh quy bái tổ. Mặc dù, các triều đại đã luôn cố gắng nỗ lực, nhưng riêng về phần vua Lê Thánh Tông vẫn còn có những

Văn học trong nhà trường

trần trở, ưu tư. Đó là nỗi niềm cảm thấy chưa đủ vì danh tiếng của hiền tài mới chỉ được vang danh ngắn ngủi, lầy lùng một thời mà về lâu về sau không thể lưu truyền được. Chính vì lẽ đó, nên việc dựng bia đề danh đặt ở cửa Hiền Quan là việc làm cấp thiết.

Như vậy, trong phần đầu của đoạn trích, từ một câu nói khẳng định giá trị của hiền tài đến việc nêu lên những chính sách tôn vinh, trọng đãi hiền tài, tác giả đã dẫn dắt người đọc đến một kết luận nghiêm túc và logic, ấy là việc cần phải dựng đá ghi danh. Như vậy, ngay từ mấy câu đầu, cái hay của trong cách lập luận của văn nghị luận đã được thể hiện. Hiệu quả của cách lập luận này đó là vừa khơi dậy được lòng tự hào, tự tôn về giá trị nơi hiền tài, mà còn gián tiếp thể hiện được tâm tư, tình cảm, tư tưởng và tầm nhìn của vua Lê Thánh Tông trong xây dựng đất nước.

Sang phần hai đoạn trích, tác giả nêu lên ý nghĩa, tác dụng của việc khắc bia tiên sĩ. Ở phần này, trước khi nêu lên ý nghĩa của việc dựng bia, tác giả đã viết: *“Cũng không phải không có những kẻ vì nhận hối lộ mà hư hỏng, hoặc rơi vào hàng ngũ bọn gian ác, có lẽ vì lúc sống họ chưa được nhìn tấm bia này”*. Đây là đoạn văn chứa nhiều ý nghĩa. Trên bề nổi, tác giả vừa thừa nhận một thực tế, là thời nào cũng có những người đồ đạ, công hiền tài năng, tô điểm cho đất nước. Nhưng cũng có những người vì tham bổng lộc mà làm điều gian xấu. Nhưng dưới bề sâu, tác giả biểu lộ sự ngậm ngùi, tiếc nuối cho những người tài không thể giữ mình trước tiền tài, danh lợi. Theo lý giải của tác giả thì nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên đó là vì họ chưa được nhìn tấm bia này. Giả thuyết được dẫn ra sau đó: *“Vị thử hỏi đó được mắt thấy thì lòng thiện tràn đầy, ý xấu bị ngăn chặn, đâu còn dám nảy sinh như vậy được?”*. Đoạn văn này, hình thức là câu hỏi tu từ nhưng về sắc thái nghĩa thể hiện sự thật đau đớn về thực trạng “uổng phí hiền tài”. Rõ ràng việc dựng bia có ý nghĩa rất lớn đối với những người tài.

Đoạn văn tiếp theo của phần hai này, tác giả đã nêu lên những ích lợi của việc dựng bia đề danh: *“kẻ ác lấy đó làm răn, người thiện theo đó mà gắng, dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai, vừa để rèn giữa danh tiếng cho sĩ phu, vừa để củng cố mệnh mạch cho nhà nước”*. Đúng là việc dựng bia mang lại rất nhiều lợi ích. Đối với người đương thời thì kẻ ác nhìn vào đó mà tự phê bình mình (*nói theo cách nói bây giờ*), người thiện lấy đó mà nỗ lực, phấn đấu. Việc dựng bia này còn để sĩ phu có dịp rèn giữa danh tiếng, ngày càng làm mới danh tiếng của mình. Đồng thời việc làm này là để củng cố, vun đắp cho mệnh mạch nhà nước được phát triển, không lụi tàn. Rõ ràng, trước khi cho dựng bia đá đề danh, đấng quân vương đã suy nghĩ rất kỹ việc này, và đã hình dung ra những lợi ích mà nó mang lại. Điều này chứng tỏ, Thân

Văn học trong nhà trường

Nhân Trung dường như rất hiểu về tư tưởng và tầm nhìn của vua Lê khi đưa ra mối quan hệ lợi ích từ nhiều đối tượng, trong đó, lợi ích đất nước là ưu tiên hàng đầu.

Kết thúc đoạn hai này, tác giả còn viết thêm: “*Thánh thần đặt ra đâu phải là vô dụng*”, câu nói này một lần nữa “đánh” vào tâm lý của người trí thức khi nhắc tới câu nói của Lý Bạch: “*thiên sinh ngã tài tất hữu dụng*”, nghĩa là trời sinh ta có tài tất nhiên sẽ được dùng. Đây quả thật là cách nói giàu sức thuyết phục.

Ra đời với tư cách là một văn bia của nhà nước, đoạn trích nói riêng và bài *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu đại bảo thứ ba* nói chung vẫn mang đậm dấu ấn cá nhân của Thân Nhân Trung – người soạn thảo ra bài văn. Dấu ấn này không chỉ thể hiện ở lối tư duy sáng rõ, lập luận chặt chẽ, lời văn trang trọng, ngắn gọn, giọng điệu đa dạng, linh hoạt mà còn ở sự nồng nàn của cảm xúc được “chưng cất” từ lòng biết ơn vì sự trọng dụng của quân vương và niềm tin, phấn khởi về những chủ trương, chính sách sẽ được thực hiện trong thời gian sắp tới.

Có thể nói, thương thức đoạn trích: “*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*” do Tiến sĩ Thân Nhân Trung viết, không chỉ thương thức về những nét đặc sắc của một áng văn nghị luận mẫu mực mà hơn hết, điều đọng lại trong lòng độc giả ấy chính là sự cộng hưởng tình cảm, tư tưởng và tầm nhìn của hai con người có công nghiệp hiển hách trong lịch sử: Tiến sĩ Thân Nhân Trung và đức vua Lê Thánh Tông./.